

GIÁO DỤC VIỆT NAM: THỰC TRẠNG, CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC

NGUYỄN NGỌC ANH* - NGUYỄN KIỀU LAN THƯƠNG**

Tóm tắt: Sau hơn 30 năm đổi mới, được sự quan tâm và đầu tư thích đáng của Đảng và Nhà nước, giáo dục Việt Nam đã có nhiều thay đổi, đạt được nhiều thành tựu lớn, đóng góp quan trọng vào sự phát triển của đất nước. Tuy nhiên, giáo dục Việt Nam vẫn còn nhiều hạn chế, yếu kém cũng như đối mặt với nhiều thách thức. Nhằm đón lấy những cơ hội to lớn của thời đại kinh tế tri thức và cách mạng 4.0, giáo dục Việt Nam cần đổi mới về tư duy và cách làm cũng như cần thay đổi cách dạy, cách học và cách đánh giá kết quả học tập của học sinh, sinh viên.

Từ khóa: Giáo dục Việt Nam, thực trạng, cơ hội, thách thức.

1. Đảng và Nhà nước ta luôn coi giáo dục là quốc sách và ưu tiên đầu tư cho giáo dục. Bên cạnh đầu tư ngân sách nhà nước (NSNN) cho giáo dục luôn ở mức xấp xỉ 20%/tổng chi NSNN, tương đương 5% của GDP, Nhà nước còn có nhiều chính sách hỗ trợ khác cho giáo dục, đào tạo. Vì vậy, trong hơn 70 năm qua, đặc biệt là sau hơn 30 năm đổi mới, giáo dục Việt Nam đã có nhiều thay đổi, đạt được nhiều thành tựu lớn, đóng góp quan trọng vào sự phát triển của đất nước. Đó là:

Thứ nhất, quy mô giáo dục và mạng lưới cơ sở giáo dục phổ thông phát triển. Việt Nam đã hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học vào năm 2000; hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi mức độ I vào

năm 2014; hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở vào năm 2010. Năm 2017, Việt Nam đã hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi. Trẻ mầm non 5 tuổi ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn được miễn học phí từ năm 2018.

Thứ hai, chất lượng giáo dục, đào tạo được nâng lên và có bước phát triển mới. Một trong những minh chứng cho điều này là việc ghi dấu ấn của học sinh Việt Nam trên sân chơi trí tuệ thế giới như các kỳ thi Olympic các môn ở khu vực và quốc tế, Chương trình Đánh giá Sinh viên Quốc tế (PISA)...

Năm 2012, Việt Nam lần đầu tiên tham gia cuộc thi PISA và xếp thứ 17 về Toán, thứ 8 về Khoa học, thứ 19 về Đọc. Trong khi đó, Mỹ chỉ xếp 36 về Toán, 28 về Khoa học và 23 về Đọc. Trong bảng xếp hạng dựa trên Toán và Khoa học do OECD công bố hồi

* Tiến sĩ, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

** Đại học Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh.

tháng 5/2015, Việt Nam giành vị trí thứ 12, cao hơn nhiều so với vị trí 28 của Mỹ⁽¹⁾.

Việt Nam cũng đã đào tạo nhiều thế hệ học sinh giỏi tham gia các kỳ thi Học sinh giỏi quốc tế, mang về nhiều huy chương cho đất nước. Hệ thống trường chuyên từ chỗ chỉ có 6 trường thì đến nay đã có ở tất cả 63 tỉnh, thành.

Thứ ba, công tác kiểm định chất lượng giáo dục đại học được chú trọng. Tính đến ngày 15/4/2018, đã có 248 cơ sở giáo dục đại học và trường cao đẳng, trung cấp sư phạm hoàn thành báo cáo tự đánh giá. Đáng chú ý, bốn trường đại học đã được hội đồng cấp cao đánh giá nghiên cứu và giáo dục đại học của Pháp (HCERES) công nhận đạt chuẩn kiểm định trường đại học. Hai trường được đánh giá theo tiêu chuẩn của mạng lưới các trường đại học khu vực Đông Nam Á. Năm trường có tên trong danh sách những trường tốp đầu của châu Á, ba trường được gán 3 sao bởi QS-Stars.

Thứ tư, nhiều chính sách công bằng trong tiếp cận giáo dục, đặc biệt đối với trẻ dân tộc thiểu số, trẻ ở vùng khó khăn được thực hiện. Trước hết là ưu tiên đầu tư cho các địa bàn có nhiều khó khăn, phát hành công trái giáo dục để hỗ trợ cho các tỉnh miền núi, vùng khó khăn xây dựng trường học kiên cố, đạt chuẩn chất lượng và thực hiện xóa đói giảm nghèo, thông qua đó tạo nhiều cơ hội cho trẻ tiếp cận nhiều hơn với dịch vụ giáo dục. Đồng thời, có

những thay đổi trong chính sách đãi ngộ đối với giáo viên giúp tạo nên sự phát triển mạnh mẽ của bậc phổ thông.

Thứ năm, cơ sở hạ tầng cho giáo dục được đầu tư thích đáng. Các trường lớp của Việt Nam đã và đang phấn đấu đạt chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn về hạ tầng cơ sở đảm bảo cho việc dạy và học có chất lượng tương đương với các nước khác trong khu vực. Hiện tại, cả nước đã có gần 500 trường mầm non, gần 3.200 trường tiểu học, trên 400 trường trung học cơ sở và phổ thông trung học đạt trường chuẩn quốc gia.

Thứ sáu, công tác xây dựng xã hội học tập đã có nhiều chuyển biến tích cực. Mạng lưới cơ sở giáo dục thường xuyên tiếp tục được củng cố, phát triển. Các nghiên cứu quốc tế cũng đánh giá cao thành tựu của giáo dục Việt Nam. Theo Ngân hàng Thế giới (NHTG)⁽²⁾ thì Việt Nam và Trung Quốc là hai quốc gia tiên phong trong đổi mới giáo dục và nêu rõ rằng sự phát triển thực sự ấn tượng thuộc về hệ thống giáo dục của Việt Nam và Trung Quốc. Nghiên cứu của tác giả Hai-Anh H. Dang và Paul W. Glewwe⁽³⁾ về giáo dục Việt Nam trong 20 năm qua cho thấy rằng mặc dù vẫn đang còn ở mức

1 - Nguyễn Suong - Giám đốc OECD: *Giáo dục Việt Nam đạt thành tựu đáng nể*, <https://news.zing.vn>

2 - Ngân hàng Thế giới: *Báo cáo Tăng trưởng thông minh hơn - Học tập và Phát triển công bằng ở Đông Á - Thái Bình Dương*, 2018.

3 - Well Begun, But Aiming Higher: *A Review of Vietnam's Education Trends in the Past 20 Years and Emerging Challenges*” (Khởi đầu tốt nhưng cần hướng tới mục tiêu cao hơn: Đánh giá xu hướng giáo dục của Việt Nam trong 20 năm qua và những thách thức đang nổi lên), Tạp chí RISE, tháng 12 năm 2017.

độ thu nhập trung bình thấp nhưng Việt Nam đã vượt trội so với phần lớn các nước trong các cuộc thi đánh giá, tỷ lệ học sinh đến trường cũng như số lượng năm học được hoàn thành.

Tuy nhiên, trong những năm qua, giáo dục Việt Nam vẫn chỉ chủ yếu tập trung cải cách bậc phổ thông, thiếu giải pháp đồng bộ. Những hạn chế, yếu kém của giáo dục vẫn còn nhiều. Cụ thể:

Một là, công tác quy hoạch, sắp xếp mạng lưới trường, lớp học ở một số địa phương còn chưa phù hợp, chưa quan tâm đến yếu tố đảm bảo chất lượng khi dồn dịch các trường. Thiếu trường, lớp ở các khu đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, đặc biệt là các trường mầm non.

Hai là, tình trạng thừa, thiếu giáo viên cục bộ vẫn chưa được giải quyết triệt để. Năng lực nghề nghiệp của một bộ phận giáo viên còn yếu, phương pháp giảng dạy chậm đổi mới; năng lực quản trị của một bộ phận cán bộ quản lý trường học còn yếu, chưa đáp ứng yêu cầu đổi mới.

Ba là, cơ sở vật chất, trường lớp học, trang thiết bị dạy học nhiều nơi còn thiếu hoặc bị xuống cấp; công tác xã hội hóa giáo dục chưa thực sự hiệu quả. Nguồn kinh phí đầu tư cho cơ sở vật chất còn hạn hẹp; công tác xã hội hóa giáo dục chưa thực sự hiệu quả.

Như tác giả Đinh Thị Nga⁽⁴⁾ đã phân tích rằng tỷ lệ chi ngân sách cho giáo dục hàng năm của Việt Nam ở mức xấp xỉ 20%, tương

đương 5% GDP, cao hơn với nhiều nước trong khu vực. Để giảm bớt áp lực chi tiêu từ ngân sách nhà nước, huy động được các nguồn lực phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo, Nhà nước cần đẩy mạnh xã hội hoá lĩnh vực giáo dục, đào tạo, đặc biệt trong đào tạo đại học thuộc các ngành kỹ thuật - công nghệ và dạy nghề.

Bốn là, trách nhiệm giải trình còn thấp. Việc thực hiện tự chủ đại học chưa gắn liền với đổi mới quản trị nhà trường, số lượng cơ sở đào tạo được tự chủ toàn diện chưa cao; tình trạng sinh viên tốt nghiệp ra trường chưa tìm được việc làm còn nhiều.

Phương thức dạy nghề trong các trường phổ thông vẫn còn nặng về kiến thức lý thuyết, việc phối hợp giữa nhà trường phổ thông với các cơ sở đào tạo, các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất... chưa hiệu quả.

Năm là, sự lựa chọn về các trường học khá hạn chế, tỷ lệ học sinh đến trường ở cấp trung học cơ sở còn thấp, đào tạo chưa gắn kết với thị trường lao động và sự cần thiết phải cải cách giáo dục một cách hệ thống và bài bản. Việc tiếp cận công nghệ, mô hình giáo dục nước ngoài, các chương trình học bổng nói chung ở các địa phương vùng sâu, vùng xa còn rất ít. Các điều kiện đảm bảo chất lượng chưa đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

Sáu là, thiết kế, cấu trúc của chương trình giảng dạy, cách đánh giá cũng như phương pháp dạy và học cần phải đổi mới nhằm đảm bảo chất lượng của sinh viên khi ra

4 - *Đầu tư của nhà nước cho giáo dục, đào tạo: Thực trạng và một số đề xuất*, <http://tapchitai chinh.vn>

trường. Cấu trúc và nội dung, thời lượng các môn học cần phải điều chỉnh cho hợp lý, cân đối và hấp dẫn.

Tác giả Quách Đình Liên⁽⁵⁾ đã chỉ ra các hạn chế là: Chương trình học ở phổ thông quá nặng, mang nhiều tính lý thuyết sách vở, không phù hợp với tâm sinh lý, khả năng tiếp thu của người học đặc biệt là ở lứa tuổi tiểu học và trung học cơ sở cùng với chế độ thi cử nặng nề; bệnh thành tích và cách quản lý theo kiểu cầm tay chỉ việc. Do đó giáo dục của chúng ta đang tạo ra những sản phẩm là học sinh với thói quen học vẹt, thụ động, đối phó, vô cảm, thiếu sáng tạo, khả năng xử lý vấn đề và tình huống trong cuộc sống kém. Đây chính là nguyên nhân dẫn đến năng suất lao động kém của người Việt so với khu vực.

Bây là, đổi mới giáo dục phổ thông chưa đảm bảo lộ trình. Việc thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục ở một số địa phương còn chưa nghiêm túc; chất lượng giáo dục vùng dân tộc thiểu số, miền núi còn thấp so với yêu cầu.

Tám là, công tác phát hiện và xử lý vi phạm còn chậm và chưa nghiêm. Việc ban hành văn bản còn chậm, chưa đồng bộ; công tác xử lý vi phạm sau thanh tra ở một số địa phương chưa nghiêm. Công tác truyền thông chưa thực sự chủ động, việc xử lý thông tin có lúc chưa kịp thời.

Chín là, số lượng sinh viên du học tăng lên đáng kể trong giai đoạn 2011 - 2016. Thống kê của Bộ Giáo dục và Đào tạo ghi nhận con số sinh viên du học đạt 130.000 sinh viên vào năm 2016. Đây là một tín hiệu rất rõ về sự không hấp dẫn của giáo dục đại học trong nước.

2. Thời đại kinh tế tri thức với cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 tạo ra nhiều cơ hội, đồng thời cũng đặt ra nhiều thách thức cho giáo dục Việt Nam.

Tác giả Trần Mạnh Hùng⁽⁶⁾ chỉ ra một số cơ hội cho giáo dục Việt Nam như sau:

Thứ nhất, với khoảng 60% dân số trong độ tuổi lao động, Việt Nam còn ở thời kỳ dân số vàng trong ít nhất 20 năm nữa. Tuy nhiên, nguồn nhân lực có sự thiếu hụt trầm trọng giữa lao động có trình độ tay nghề cao và công nhân kỹ thuật lành nghề. Theo Chỉ số cạnh tranh toàn cầu (GCI)⁽⁷⁾, năm 2017, năng lực cạnh tranh quốc gia của Việt Nam xếp 55/137. Trong khi đó, năng lực đổi mới sáng tạo của Việt Nam ở vị trí 47/127. Vì vậy, nhu cầu đào tạo và nâng cao năng lực cạnh tranh của nguồn nhân lực là rất lớn.

Thứ hai, hiện có khoảng 52% dân số Việt Nam sử dụng internet, dự báo đến năm 2020 sẽ có khoảng 1.000.000 lao động làm việc trong lĩnh vực công nghệ thông tin. Đây là những nền tảng và lợi thế rất quan trọng mà nhiều tập đoàn công nghệ cao như Fujitsu, Intel,

5 - Hiệu trưởng Đại học Thái Bình Dương: *Cần đánh giá đúng thực trạng hiện nay để có giải pháp thích hợp cho đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục nước nhà.* <http://pou.edu.vn>

6 - *Tác động của cuộc cách mạng 4.0 tới giáo dục của Việt Nam,* <http://tapchicongthuong.vn>

7 - Lê Anh: *Năm 2018, cần tập trung nâng cao năng lực cạnh tranh ngành logistics,* <https://dangcongsan.vn>

Samsung, Siemens, Acatel... đang tranh thủ để mở rộng đầu tư vào Việt Nam.

Thứ ba, Việt Nam đặt mục tiêu đến năm 2020 có hơn 1.000.000 doanh nghiệp, hỗ trợ khoảng 600 doanh nghiệp, với 2.000 dự án trong lĩnh vực khởi nghiệp sáng tạo để thúc đẩy các doanh nghiệp tiếp cận với công nghệ mới. Đồng thời, việc đàm phán và ký kết các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới hy vọng đem lại những cơ hội việc làm mới.

Thứ tư, nhu cầu đào tạo của những ngành nghề đào tạo mới, đặc biệt là công nghệ thông tin (CNTT), trí tuệ nhân tạo, robot, IoT... Ví dụ: Theo mục tiêu của Chính phủ thì vào năm 2020, nước ta sẽ có khoảng 1.000.000 doanh nghiệp, tức là sẽ cần tới thiếu một triệu cán bộ CNTT. Vậy nên chỉ riêng ngành này đã cho thấy cơ hội lớn cho các cơ sở đào tạo.

Thứ năm, nhu cầu đào tạo lại, cập nhật kiến thức, nâng cao kỹ năng của lực lượng lao động có trình độ cao. Xu hướng người lao động trình độ cao sẽ không chỉ giới hạn thời gian đào tạo trong 4 hay 5 năm đại học, mà là trong suốt cuộc đời lao động của họ, khi người học tiếp tục quay trở lại để có thêm kiến thức và kỹ năng sau khi tốt nghiệp. Vì vậy, tư duy cũ của nền giáo dục đón đầu sẽ thay đổi, khi các trường đại học xác định quá trình học tập suốt đời như là một phần sứ mệnh của mình.

Bên cạnh các cơ hội, giáo dục Việt Nam cũng đối mặt với nhiều thách thức. Năm 2016, dự báo, từ năm 2020 trở đi, chúng ta không cạnh tranh với các quốc gia như Trung Quốc, Bănglăđét, Malaixia, Ấn Độ hay Mêxicô, mà là cạnh tranh với những công ty tự động hóa của Mỹ hay Nhật

Bản⁽⁸⁾. Các thách thức chính của giáo dục Việt Nam là:

Một, tiếp cận giáo dục trung học còn chưa cao và chưa công bằng. Các nhóm có hoàn cảnh khó khăn, bao gồm các nhóm dân tộc thiểu số, người dân ở các khu tái định cư, người dân thuộc các hộ nghèo, ở vùng sâu, vùng xa và người khuyết tật còn gặp nhiều khó khăn trong tiếp cận giáo dục.

Hai, mặc dù có những cố gắng cải thiện chất lượng giáo dục bằng cách tăng cường thực hành giảng dạy dựa trên năng lực và cải cách chương trình, sách giáo khoa, nhưng vẫn cần có những hướng dẫn rõ ràng và tạo thuận lợi cho giáo viên giảng dạy dựa trên năng lực.

Ba, khi nền kinh tế của Việt Nam phát triển, cần đầu tư nhiều hơn vào trình độ học vấn và học cả đời, giúp người học có khả năng tốt hơn trong việc chuyển biến các kiến thức và kỹ năng nền tảng thành những kiến thức và kỹ năng phù hợp với nhu cầu thị trường lao động. Ngoài ra, hệ thống giáo dục đại học của Việt Nam chưa được trang bị đầy đủ các kỹ năng cần thiết cho lực lượng lao động.

Bốn, nền giáo dục của Việt Nam đang còn quá nặng về truyền tải kiến thức mà chưa hướng đến phát triển phẩm chất và năng lực của người học; chất lượng đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý chưa đồng đều; hệ thống cơ sở vật chất còn nhiều hạn chế như Bộ trưởng Giáo dục và Đào tạo Phùng Xuân

8 - Bộ Công thương Việt Nam: *Nguồn nhân lực Việt trước ngưỡng cửa 4.0*, <http://moit.gov.vn>

Nhà⁽⁹⁾ đã nhận xét.

Năm, chất lượng giáo dục Việt Nam chưa đáp ứng được nhu cầu đào tạo con người và nhu cầu phát triển của xã hội.

Nguyên nhân chính của tình trạng trên là do tư duy và cách làm giáo dục chưa theo kịp thời đại. Nền giáo dục của Việt Nam cơ bản vẫn theo cách nghĩ và cách làm giáo dục của xã hội truyền thống, trong đó nhà trường được gán cho sứ mạng là phải trang bị đầy đủ kiến thức để con người có đủ khả năng làm việc suốt đời, song lại xem nhẹ việc bồi dưỡng năng lực của người học vận dụng những kiến thức đó để giải quyết những vấn đề mà công việc và cuộc sống đặt ra.

Nhằm đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng được đòi hỏi của thời đại kinh tế tri thức và cuộc cách mạng 4.0, Việt Nam cần đổi mới mạnh mẽ cả về tư duy, cách làm giáo dục cũng như cách dạy, cách học và cách đánh giá kết quả học sinh.

Trước hết, cần đổi mới tư duy về vai trò của Nhà trường, Nhà nước, gia đình, xã hội, doanh nghiệp trong giáo dục. Nhà trường là nơi dạy cách học, phương pháp học, tạo môi trường để dạy và học. Nhà nước giữ vai trò định hướng giáo dục và giám sát đảm bảo chất lượng giáo dục với các chính sách, quy định, tiêu chuẩn tạo điều kiện cho các cơ sở giáo dục tự chủ, tự quản, cạnh tranh lành mạnh, phát triển bền vững. Người dạy là người dạy cách học, phương pháp học, truyền cảm hứng cho người học. Người học là trung tâm của quá trình giáo dục. Người

học phải chủ động, sáng tạo, tìm tòi, cập nhật, phản biện, tranh luận, tự học là chính, học suốt đời. Gia đình, xã hội phải tham gia vào việc tạo dựng một xã hội học tập, khuyến khích học tập suốt đời, tự học. Doanh nghiệp cần có mối liên hệ chặt chẽ với các cơ sở giáo dục đào tạo, là người đặt hàng, cập nhật thông tin việc làm, yêu cầu nghề nghiệp cũng như tạo môi trường rèn luyện thực tế cho học sinh, sinh viên. Đồng thời, các cơ sở giáo dục cũng cần có tư duy doanh nghiệp với khả năng tự chủ tài chính, tìm kiếm đối tác, xây dựng chương trình, dự án hợp tác đào tạo.

Bên cạnh đó, cần thay đổi cách làm giáo dục. Cần tái cấu trúc nền giáo dục với việc nhận thức lại về giáo dục và vai trò quản lý của Nhà nước với sự nghiệp giáo dục, tái cấu trúc lại hệ thống quản lý về giáo dục, về phương thức giáo dục, đào tạo và đổi mới chương trình giáo dục.

Cuối cùng, cần thay đổi cách dạy, cách học và cách đánh giá kết quả học tập. Dạy là dạy cách học, là truyền cảm hứng, cùng trao đổi, giải quyết vấn đề. Học là học cách học, tinh thần tự học, tranh luận, phản biện, học suốt đời. Đánh giá kết quả học tập phải chú trọng và đánh giá năng lực học tập, khả năng học tập, đánh giá khách quan và cả quá trình chứ không phải kiểm tra kiến thức đã học. ■

Tài liệu tham khảo:

1. Đặng Văn Thanh: *Đổi mới và nâng cao hiệu quả đầu tư cho giáo dục, đào tạo*, Tạp chí Kế toán và Kiểm toán, số tháng 1+2/2018.

9 - *Giáo dục Việt Nam trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư*, <http://tapchicongsan.org.vn>

2. Đinh Thị Nga: *Đầu tư của nhà nước cho giáo dục, đào tạo: Thực trạng và một số đề xuất*, Tạp chí Tài chính, tháng 10, 2017.
3. Ngân hàng Thế giới: *Báo cáo phân tích môi trường kinh doanh*, 2016.
4. Ngân hàng Thế giới: *Báo cáo Tăng trưởng thông minh hơn - Học tập và Phát triển công bằng ở Đông Á - Thái Bình Dương*, 2018.
5. Phùng Xuân Nhạ: *Giáo dục Việt Nam trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư*, Tạp chí Cộng sản, tháng 8, 2018.
6. Vũ Quang Việt: *Chiều hướng phát triển dân số và học sinh, hiện tại và tương lai*, Tạp chí Thời đại mới, tháng 3, 2008.

NHỮNG NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN VIỆC THỰC HIỆN...

(tiếp trang 48)

Đặc biệt, hiện nay, nhiều ngành công nghiệp mới ra đời, sản xuất ra các máy móc, trang thiết bị, vật liệu phục vụ đời sống xã hội ở trình độ công nghệ kỹ thuật cao, đòi hỏi người lao động phải có trình độ hiểu biết, tri thức hiện đại mới có khả năng tham gia vào các lĩnh vực này. Đối với Việt Nam, nếu giai cấp công nhân không tiếp cận được với những xu hướng mới của quá trình sản xuất, không được đào tạo để đáp ứng nhu cầu này sẽ chỉ dừng lại ở trình độ lao động phổ thông, không gia nhập được vào thị trường lao động cấp cao, hạn chế đến việc thực hiện vai trò của giai cấp công nhân trong bối cảnh quốc tế mới.

Tóm lại, giai cấp công nhân muốn thực hiện được vai trò của mình thì điều quan trọng là phải có được sự lãnh đạo của Đảng

Cộng sản Việt Nam trong xây dựng đường lối, chiến lược, sách lược đối với phong trào công nhân. Mặt khác, giai cấp công nhân cần thích ứng với nền kinh tế thị trường bằng cách trang bị cho mình những kiến thức khoa học, kỹ thuật, công nghệ hiện đại, đạt trình độ lao động tiên tiến đáp ứng với nhu cầu của thị trường lao động trong bối cảnh mới. Đồng thời cần khắc phục tác động của những yếu tố tiêu cực trong tâm lý, tư tưởng truyền thống cũng như mặt trái của cơ chế thị trường, qua đó phá bỏ những rào cản để tiếp cận với những yếu tố mới trong sự phát triển của giai cấp công nhân hiện đại. Thực sự trở thành lực lượng tiên tiến nhất trong nền sản xuất xã hội, thực hiện vai trò là lực lượng nòng cốt trong xây dựng xã hội mới ở Việt Nam hiện nay. ■